

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-PT
Ngày: 28-02-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hui"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hui".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Từ Thị H₁, sinh năm 1958;

2. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H₁: Bà Võ Thị Minh Th, sinh năm 1964 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21/02/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Từ Thị H₁ và ông Nguyễn Hùng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 25/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Bà có tham gia chơi hội do bà H₁, ông D làm chủ thảo như sau:

- Dây hội thứ 01 (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H₁ là 5D): Hội có lãi giá 2.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2016 (âm lịch), 03 tháng khai 01 lần, có 24 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hót hội là 1.000.000 đồng. Dây hội này bà góp được 21 lần hội sống, thì bà H₁, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hót hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H₁, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 41.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 02 (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H₁ là 10D): Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 10/5/2017 (âm lịch), 03 tháng khai 01 lần, có 21 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hót hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 18 lần hội sống, thì bà H₁, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hót hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H₁, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 17.500.000 đồng.

- Dây hội thứ 03 (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H₁ là 2A): Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, khai ngày 15/12/2020, một tháng khai 01 lần, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hót hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 11 lần hội sống, thì bà H₁, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hót hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H₁, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 10.500.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hội bà H₁, ông D còn nợ bà số tiền 69.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H₁, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo biên bản hòa giải ngày 12/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Từ Thị H₁ trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của bà H là đúng sự thật. Bà H có tham gia góp hội do bà và chồng là ông D làm chủ thảo.

Đến nay bà H đã góp tiền của dây hội ký hiệu 5D là 26.590.000 đồng, của dây hội ký hiệu 10D là 9.460.000 đồng và của dây hội ký hiệu 2A là 6.710.000 đồng. Tổng cộng là 42.760.000 đồng.

Bà thừa nhận để tạo lòng tin cho các hội viên khi rủ họ tham gia chơi các dây hội do bà làm chủ thảo, bà có thỏa thuận: “hội có lãi (góp hội sống được tiền

hụi chết), bà cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hụi viên chưa hốt hụi (hụi sống) và choàng tiền hụi cho các hụi viên chậm góp hụi (hụi chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hụi để giao tiền cho hụi viên hốt hụi và nhận tiền hoa hồng của dây hụi theo thỏa thuận” nhưng đến nay không thực hiện được cam kết này là do một phần ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19, quá nhiều các hụi viên đã hốt hụi không góp lại tiền hụi chết theo thỏa thuận nên bà không còn khả năng choàng hụi, dẫn đến phải ngưng hụi nên vợ chồng bà xin trả lại số tiền bà H đã góp hụi là 42.760.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Theo biên bản hòa giải ngày 12/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:*

Thừa nhận vợ chồng ông, bà còn nợ bà H số tiền góp hụi là 42.760.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc bà Từ Thị H₁ và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 69.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 13/9/2022, bị đơn bà Từ Thị H₁ và ông Nguyễn Hùng D có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; bà H₁ và ông D chỉ đồng ý trả 42.760.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H₁ và ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng: Bà Từ Thị H₁ và ông Nguyễn Hùng D nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Từ Thị H₁ và ông Nguyễn Hùng D có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; bà H₁ và ông D chỉ đồng ý trả 42.760.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H₁ và ông D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Hùng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông D.

[2.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H và các bị đơn bà Từ Thị H₁, ông Nguyễn Hùng D thống nhất: Bà H tham gia 03 dây hội ký hiệu số 5D, 10D và 2A do bà H₁, ông D làm chủ thảo, đồng thời thống nhất số lần góp hội của bà H đối với 03 dây hội này; các dây hội đều là hội có lãi (góp hội sống được hưởng tiền hội chết); bà Từ Thị H₁ cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hội viên chưa hót hội (hội sống) và choàng tiền hội cho các hội viên chậm góp hội (hội chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hội để giao tiền cho hội viên hót hội và nhận tiền hoa hồng của dây hội theo thỏa thuận. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Theo điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biêu, phường thì các thành viên trong dây hội có nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hội khi được lĩnh hội. Như vậy, thực tế, tiền lãi mà các thành viên trong dây hội được nhận là do thành viên lĩnh hội trả, không phải do chủ thảo chi trả. Tuy nhiên, khi có thành viên không góp phần hội của họ khi đến kỳ mở hội thì trách nhiệm của chủ thảo là nộp thay phần hội của thành viên này theo quy định tại khoản 4 Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biêu, phường.

Mặt khác, bà H₁ và ông D thừa nhận các dây hội là hội có lãi, giữa ông bà và các hội viên có thỏa thuận “góp hội sống được hưởng tiền hội chết”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/8/2022, bà H₁ cũng thừa nhận bà sẽ chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hội viên chưa hót hội và choàng tiền hội chết nếu những

người này chậm đóng hội để giao tiền cho hội viên hốt hội; đồng thời thừa nhận nếu tính hội có lãi thì bà H đã góp được 03 dây tổng cộng là 69.000.000 đồng (bút lục 29).

Bà H₁ cho rằng giữa bà và các các hội viên có thỏa thuận chỉ trả vốn nhưng không được phía bà H xác nhận, bà H₁ cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét đề nghị trả vốn của bà H₁.

Bà H₁ và ông D tổ chức các dây hội nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông bà trả lãi theo thỏa thuận giữa các bên là phù hợp. Thực tế, việc tính lại lãi suất chênh lệch không nhiều so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ các dây hội đã bắt đầu khai từ năm 2016, 2017 và 2020.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà Từ Thị H₁ và ông Nguyễn Hùng D là chủ thảo các dây hội, việc ngưng hội hoàn toàn là lỗi của bà H₁ và ông D, hơn nữa dù ngưng hội nhưng bà H₁ và ông D vẫn được trả hoa hồng, do đó bà H₁ và ông D có trách nhiệm hoàn trả số tiền hội (có lãi) mà bà H được hưởng trong các dây hội mà bà H đã tham gia, tương ứng với số phần hội mà bà H đã góp.

[2.4] Bà H₁ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu kháng cáo của bà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các nội dung, quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà H₁ và ông D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí phúc thẩm cho bà H₁ và ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296, khoản 1 và 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H₁. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 các điều 26, 226, 227 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 16, 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019

của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc bà Từ Thị H₁ và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 69.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H₁, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà H₁, ông D.

Hoàn lại cho bà H 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016552 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong